

# CÔNG TY CỔ PHẦN OTRAN LOGISTICS

Đường số 4, KCN Phú Mỹ 1, Thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1 NĂM 2016

### BAO GỒM:

1. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
2. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH
3. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
4. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bà Rịa- Vũng Tàu, Tháng 04/2016



**CÔNG TY CỔ PHẦN OTRAN LOGISTICS**

Địa chỉ: Đường số 4, Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, Thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ I - 2016

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2016

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>245,345,009,481</b>	<b>241,417,638,412</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>5,794,432,889</b>	<b>21,599,918,567</b>
1. Tiền	111		174,432,889	15,979,918,567
2. Các khoản tương đương tiền	112		5,620,000,000	5,620,000,000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>6,000,000,000</b>	<b>6,000,000,000</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		6,000,000,000	6,000,000,000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>200,264,196,038</b>	<b>181,173,767,744</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		41,380,625,181	31,658,653,843
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		33,708,855,409	32,439,774,126
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		32,657,236,894	10,025,578,494
6. Phải thu ngắn hạn khác	136		92,517,478,554	107,049,761,281
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>32,335,070,648</b>	<b>32,288,076,552</b>
1. Hàng tồn kho	141		32,335,070,648	32,288,076,552
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>951,309,906</b>	<b>355,875,549</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		404,704,225	355,875,549
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		546,605,681	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN OTRAN LOGISTICS**

Địa chỉ: Đường số 4, Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, Thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ I - 2016****Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>385,851,757,023</b>	<b>362,664,378,398</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>187,158,815,952</b>	<b>186,290,370,368</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221		187,152,189,298	186,279,721,308
<i>Nguyên giá</i>	222		209,973,743,799	206,500,228,646
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(22,821,554,501)	(20,220,507,338)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		6,626,654	10,649,060
<i>Nguyên giá</i>	228		48,268,888	48,268,888
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(41,642,234)	(37,619,828)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>7,928,321,678</b>	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		7,928,321,678	-
<b>V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>190,160,000,000</b>	<b>175,660,000,000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		156,660,000,000	156,660,000,000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư khác vào công cụ vốn	253		33,500,000,000	19,000,000,000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>604,619,393</b>	<b>714,008,030</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		604,619,393	714,008,030
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>631,196,766,504</b>	<b>604,082,016,810</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN OTRAN LOGISTICS**

Địa chỉ: Đường số 4, Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, Thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ I - 2016****Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>65,872,993,953</b>	<b>61,360,356,971</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>59,238,533,953</b>	<b>57,542,836,971</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		25,162,891,658	15,235,598,118
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		3,145,002,003	3,095,528,638
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		306,990,680	8,573,988,948
4. Phải trả người lao động	314		406,202,618	413,576,927
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319		343,360,047	256,806,129
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		29,874,086,947	29,967,338,211
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>6,634,460,000</b>	<b>3,817,520,000</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả dài hạn nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		6,634,460,000	3,817,520,000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN OTRAN LOGISTICS**

Địa chỉ: Đường số 4, Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, Thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ I - 2016****Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>565,323,772,551</b>	<b>542,721,659,839</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>565,323,772,551</b>	<b>542,721,659,839</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		500,000,000,000	500,000,000,000
1a. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		500,000,000,000	500,000,000,000
1b. Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		65,323,772,551	42,721,659,839
11a. LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		42,721,659,839	15,206,069,113
11b. LNST chưa phân phối kỳ này	421b		22,602,112,712	27,515,590,726
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>631,196,766,504</b>	<b>604,082,016,810</b>

Bà Rịa Vũng Tàu, ngày 20 tháng 04 năm 2016


**Trần Thị Huệ**

Người lập biểu



**Mai Đình Hạnh**

Kế toán trưởng

**Trần Đức Tuấn**

Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN OTRAN LOGISTICS**

Địa chỉ: Đường số 4, Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, Thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ I - 2016**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU			Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01 VI.1	67.159.784.220	38.232.190.571
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02 VI.1	-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10 VI.1	67.159.784.220	38.232.190.571
4.	Giá vốn hàng bán	11 VI.2	42.731.289.450	23.586.795.314
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	24.428.494.770	14.645.395.257
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21 VI.3	1.225.258	3.141.887
7.	Chi phí tài chính	22 VI.4	659.839.975	197.999.659
	Trong đó: chi phí lãi vay	23	659.839.975	197.999.659
8.	Chi phí bán hàng	25 VI.5	1.755.568.047	1.827.082.061
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26 VI.6	7.339.812.488	6.503.640.385
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	14.674.499.518	6.119.815.039
11.	Thu nhập khác	31	9.300.082.264	1.954.020.522
12.	Chi phí khác	32 VI.7	1.372.469.070	1.342.481.625
13.	Lợi nhuận khác	40	7.927.613.194	611.538.897
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	22.602.112.712	6.731.353.936
15.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		
16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	<u>22.602.112.712</u>	<u>6.731.353.936</u>
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70 VI.8	<u>452.04</u>	<u>336.57</u>

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 20 tháng 04 năm 2016



Trần Thị Huệ  
Người lập biểu





Mai Đình Hạnh  
Kế toán trưởng

Trần Đức Tuấn  
Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN OTRAN LOGISTICS**Địa chỉ: Đường số 4, Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, Thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ I - 2016****BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ***(Theo phương pháp gián tiếp)**Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016*

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	minh	Đơn vị tính: VND	
			Kỳ này	Kỳ trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		22,602,112,712	6,731,353,936
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		2,893,301,400	2,397,609,430
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		556,434,834	-
- Chi phí lãi vay	06		659,774,925	197,999,659
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		26,711,623,871	9,326,963,025
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(34,137,033,975)	(24,322,056,180)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(46,994,096)	100,039,676
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		1,788,948,246	1,716,893,569
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		60,559,961	(455,547,164)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(659,774,925)	(197,999,659)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	(671,131,516)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(6,282,670,918)</b>	<b>(14,502,838,249)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(12,682,867,132)	(6,843,636,365)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.7	436,363,636	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(5,000,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(12,246,503,496)</b>	<b>(11,843,636,365)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN OTRAN LOGISTICS**

Địa chỉ: Đường số 4, Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, Thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu  
 BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ I - 2016

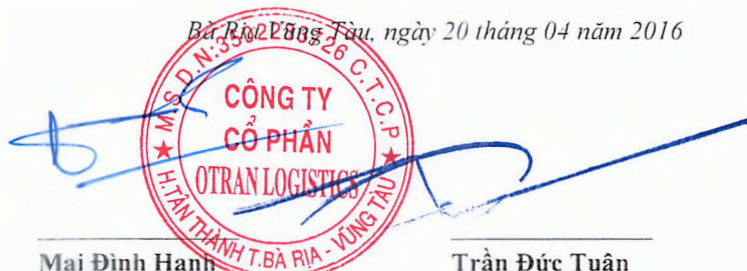
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.16	39.182.151.704	29.934.597.270
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(36.458.462.968)	-
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>2.723.688.736</b>	<b>29.934.597.270</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>(15.805.485.678)</b>	<b>3.588.122.656</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>21.599.918.567</b>	<b>898.568.887</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>5.794.432.889</b>	<b>4.486.691.543</b>

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 20 tháng 04 năm 2016



**Trần Thị Huệ**  
 Người lập biểu



**Mai Đình Hanh**  
 Kế toán trưởng

**Trần Đức Tuấn**  
 Tổng Giám đốc



## CÔNG TY CỔ PHẦN OTRAN LOGISTICS

Địa chỉ: Đường số 4, Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ I - 2016

### **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến 31 tháng 03 năm 2016

#### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

##### **1. Hình thức sở hữu vốn:**

Công ty Cổ phần Otran Logistics hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3502233726 ngày 09 tháng 09 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp qua các lần thay đổi như sau:

- Lần thứ nhất ngày 19 tháng 06 năm 2014 về việc chuyển đổi tên Công ty từ Công ty TNHH Vina Commodities Phú Mỹ sang Công ty TNHH Otran Logistics
- Lần thứ hai ngày 07 tháng 11 năm 2014 về việc chuyển đổi hình thức hoạt động từ Công ty TNHH sang Công ty Cổ phần với tên gọi Công ty Cổ phần Otran Logistics và tăng vốn điều lệ từ 200.000.000.000 đồng lên 250.000.000.000 đồng.
- Lần thứ ba (lần gần nhất) ngày 11 tháng 08 năm 2015 về việc tăng vốn điều lệ từ 250.000.000.000 đồng lên 500.000.000.000 đồng.

Vốn điều lệ của Công ty (theo Giấy chứng nhận kinh doanh thay đổi lần gần nhất) là 500.000.000.000 (năm trăm tỷ) đồng.

Trụ sở hoạt động chính: Đường số 4, Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

##### **2. Lĩnh vực kinh doanh:**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là thương mại, dịch vụ.

##### **3. Ngành nghề kinh doanh:**

- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Chi tiết: kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Kinh doanh dịch vụ cảng và bến cảng;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Đầu tư tạo lập nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua; Mua nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua; Thuê nhà, công trình xây dựng để cho thuê lại; Đầu tư cải tạo đất và đầu tư các công trình hạ tầng trên đất thuê để cho thuê đất đã có hạ tầng; Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, đầu tư công trình hạ tầng để chuyển nhượng, cho thuê; thuê quyền sử dụng đất đã có hạ tầng để cho thuê lại; Cho thuê nhà ở; Cho thuê kho bãi, đỗ xe; Cho thuê nhà phục vụ mục đích kinh doanh (kí ốt, trung tâm thương mại); Cho thuê nhà có trang bị đặc biệt (phòng hòa nhạc, nhà hát, hội trường, phòng cưới, ...); Kinh doanh dịch vụ chợ và quản lý trung tâm thương mại;
- Xây xát và sản xuất bột thô (không được lập xưởng sản xuất trong khu dân cư; chỉ được phép hoạt động khi đảm bảo đủ điều kiện theo quy định của Luật Bảo vệ Môi trường);
- Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột (không được lập xưởng sản xuất trong khu dân cư; chỉ được phép hoạt động khi đảm bảo đủ điều kiện theo quy định của Luật Bảo vệ Môi trường);
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản (trừ chế biến bột cá) (không được lập xưởng sản xuất trong khu dân cư; chỉ được phép hoạt động khi đảm bảo đủ điều kiện theo quy định của Luật Bảo vệ Môi trường);
- Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật (không được lập xưởng sản xuất trong khu dân cư; chỉ được phép hoạt động khi đảm bảo đủ điều kiện theo quy định của Luật Bảo vệ Môi trường);
- Bán buôn thực phẩm;
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa; Môi giới thương mại;

## CÔNG TY CỔ PHẦN OTRAN LOGISTICS

Địa chỉ: Đường số 4, Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ I - 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng, công nghiệp; máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện; Mua bán vật tư, máy móc, thiết bị và phụ tùng ngành dầu khí, ngành hàng hải;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Dịch vụ giao nhận hàng hóa; Dịch vụ kiểm đếm, cân, đo, lấy mẫu hàng hóa; Đại lý khai thuế hải quan. Đại lý vận tải hàng hóa đường biển. Dịch vụ bao gói hàng hóa; Dịch vụ đại lý tàu biển; Dịch vụ cung ứng tải biển;
- Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch;
- Chế biến và bảo quản rau quả (không được lập xưởng sản xuất trong khu dân cư; chỉ được phép hoạt động khi đảm bảo đủ điều kiện theo quy định của Luật Bảo vệ Môi trường).

#### 4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

#### 5. Cấu trúc doanh nghiệp:

Danh sách các công ty con:

Công ty có Văn phòng đặt tại đường số 4, Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và có các công ty con sau đây:

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty Cổ phần Otran Đồng Nai	Cụm Công nghiệp Dốc 47, xã Tam Phước, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	97,00%	97,00%
Công ty Cổ phần Otran Logistics Miền Bắc	Khu Công nghiệp Cái Lân, phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh	90,00%	90,00%

## II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

#### 1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

#### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

#### 3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

## CÔNG TY CỔ PHẦN OTRAN LOGISTICS

Địa chỉ: Đường số 4, Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ I - 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

#### 2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

#### 3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là dự phòng phần giá trị bị tổn thất của hàng tồn kho bị giảm giá trị so với giá trị ghi sổ, điều kiện lập dự phòng theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính ban hành và thông tư 89/2014/TT-BTC hướng dẫn bổ sung thông tư số 228/2009/TT-BTC về điều kiện lập dự phòng.

#### 4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi là dự phòng phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, nợ phải thu chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán, điều kiện lập dự phòng theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính ban hành và thông tư 89/2014/TT-BTC hướng dẫn bổ sung thông tư số 228/2009/TT-BTC về điều kiện lập dự phòng.

#### 5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc, được điều chỉnh sửa đổi bổ sung theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc và thiết bị	03 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 30
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 – 10
Tài sản cố định hữu hình khác	03 – 24

#### 6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc, được điều chỉnh sửa đổi bổ sung theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

## CÔNG TY CỔ PHẦN OTRAN LOGISTICS

Địa chỉ: Đường số 4, Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ I - 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

---

### *Phần mềm máy tính*

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao trong 03 năm.

### **7. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

### **8. Đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ tài chính là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng. Việc trích lập và hoàn nhập các khoản dự phòng giảm giá đầu tư được thực hiện theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính ban hành và thông tư 89/2014/TT-BTC hướng dẫn bổ sung thông tư số 228/2009/TT-BTC về điều kiện lập dự phòng.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

### **9. Chi phí trả trước dài hạn**

#### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

#### *Chi phí trả trước dài hạn khác*

Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ theo thời gian hữu dụng của chi phí. Thời gian phân bổ được xác định theo tính chất chi phí.

### **10. Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong năm.

### **11. Nguồn vốn kinh doanh**

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.
- Vốn khác: hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, giá trị các tài sản được tặng, biếu, tài trợ và đánh giá lại tài sản.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

### **12. Cổ tức**

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

## CÔNG TY CỔ PHẦN OTRAN LOGISTICS

Địa chỉ: Đường số 4, Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ I - 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

---

### 13. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính riêng và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

### 14. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

### 15. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Khi bán hàng hóa, doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ.

### 16. Tài sản tài chính

#### *Phân loại tài sản tài chính*

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

*Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.*

## CÔNG TY CỔ PHẦN OTRAN LOGISTICS

Địa chỉ: Đường số 4, Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ I - 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Tài sản tài chính được phân loại và ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

### *Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính không phải sinh có giá trị thanh toán cụ thể hoặc có thể xác định được và có ngày đáo hạn cụ thể mà công ty có ý định chắc chắn và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

### *Các khoản cho vay và phải thu*

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phải sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

### *Tài sản tài chính sẵn sàng để bán*

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính không phải sinh được xác định là có sẵn để bán hoặc không được phân loại là tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả kinh doanh, các khoản đầu tư đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu.

*Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:*

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phải sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phải sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

### *Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính*

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dùng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua, chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

## 17. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

### **Nợ phải trả tài chính**

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

*Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

*Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:*

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phải sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phải sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

*Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ*

## CÔNG TY CỔ PHẦN OTRAN LOGISTICS

Địa chỉ: Đường số 4, Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ I - 2016**

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong năm có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

### **Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính**

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

### **Công cụ vốn chủ sở hữu**

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

## **18. Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận;
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

## **19. Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

## **20. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

## **V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Đơn vị tính: VND

### **1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	44.280.050	51.788.097
Tiền gửi ngân hàng	130.152.839	15.928.130.470
Tương đương tiền (*)	5.620.000.000	5.620.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>5.794.432.889</u></b>	<b><u>21.599.918.567</u></b>

(\*) Là tiền gửi tại Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn ngày 12/04/2016, kỳ hạn 01 tháng, lãi suất cố định 4.3%/ năm. Khoản tiền này nhằm mục đích bảo lãnh thực hiện hợp đồng dịch vụ cầu cảng với Công ty TNHH cảng quốc tế SP-PSA.

**CÔNG TY CỔ PHẦN OTRAN LOGISTICS**

Địa chỉ: Đường số 4, Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ I - 2016****Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)****2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	6.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000
<i>Tiền gửi có kỳ hạn<sup>(*)</sup></i>	<i>6.000.000.000</i>	<i>6.000.000.000</i>	<i>6.000.000.000</i>	<i>6.000.000.000</i>
<b>Cộng</b>	<b>6.000.000.000</b>	<b>6.000.000.000</b>	<b>6.000.000.000</b>	<b>6.000.000.000</b>

(\*) Là tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh 4 – Thành phố Hồ Chí Minh, kỳ hạn 01 năm, lãi suất 6%/năm theo các hợp đồng sau:

Số hợp đồng	Ngày hợp đồng	Số tiền
15.908.001/HĐCC- OTRANLOGISTICS	06/02/2015	1.000.000.000
15.908.002/HĐCC- OTRANLOGISTICS	09/02/2015	1.000.000.000
15.908.003/HĐCC- OTRANLOGISTICS	12/02/2015	1.000.000.000
15.908.004/HĐCC- OTRANLOGISTICS	05/03/2015	1.000.000.000
15.908.005/HĐCC- OTRANLOGISTICS	11/03/2015	1.000.000.000
15.908.006/HĐCC- OTRANLOGISTICS	02/04/2015	1.000.000.000
<b>Cộng</b>		<b>6.000.000.000</b>

**3. Phải thu khách hàng****Phải thu khách hàng ngắn hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Công ty Cổ phần Năng lượng Otran	13.782.396.767	-	8.117.595.793	-
- Đặng Thế Nam	6.250.252.050	-	6.250.252.050	-
- Nguyễn Kim Long	3.287.378.460	-	4.390.101.306	-
- Công ty TNHH Minh Đan	1.057.954.393	-	3.217.234.257	-
- Công ty Cổ phần Otran Đồng Nai	668.031.055	-	2.506.031.055	-
- Công ty TNHH Đầu tư VNC	1.729.084.967	-	1.729.084.967	-
- Công ty Cổ phần Hùng Vương	2.858.713.719	-	1.416.342.816	-
- Công ty Cổ phần Otran Miền Nam	49.808.946	-	1.012.678.273	-
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Muối Miền Nam	701.699.178	-	701.699.178	-
- Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T	629.281.866	-	629.281.866	-
- Công ty TNHH Hùng Trọng	826.010.319	-	-	-
- ValencyInternational trading PTE LTD	7.602.069.405	-	-	-
- Các khách hàng khác	1.937.944.056	-	1.688.352.282	-
<b>Cộng</b>	<b>41.380.625.181</b>	<b>-</b>	<b>31.658.653.843</b>	<b>-</b>

**Phải thu khách hàng ngắn hạn là các bên liên quan**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Công ty Cổ phần Năng lượng Otran	13.782.396.767	-	8.117.595.793	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN OTRAN LOGISTICS**

Địa chỉ: Đường số 4, Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ I - 2016****Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**

- Công ty Cổ phần Otran Đồng Nai	668.031.055	-	2.506.031.055	-
- Công ty TNHH Đầu tư VNC	1.729.084.967	-	1.729.084.967	-
- Công ty Cổ phần Otran Miền Nam	49.808.946	-	1.012.678.273	-
- Công ty Cổ phần Cảng Tổng hợp Thị Vải	-	-	129.977.782	-
- Vinacommodities Singapore PTE.LTD	140.372.322	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>16.369.694.057</b>	<b>-</b>	<b>13.495.367.870</b>	<b>-</b>

**4. Trả trước cho người bán****Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Công ty Cổ phần Otran Miền Nam (*)	28.000.000.000	28.000.000.000
- Công ty Cổ phần OTC Việt Nam	2.279.000.000	1.559.000.000
- Lê Thanh Vân	605.420.860	605.420.860
- Công ty TNHH Máy Xây dựng Hải Âu	-	379.500.000
- Công ty Cổ phần Thương mại Vận tải Nhật Hải Đặng	328.057.800	328.057.800
- Công ty TNHH Ri Ta Võ	-	300.000.000
- Công ty Cổ phần Vận tải biển Hùng Mạnh	255.217.050	255.217.050
- Doanh nghiệp Tư nhân Long Vân	-	190.000.000
- Công ty Cổ phần Sản xuất TM Dịch vụ GFC	-	151.966.566
- Công ty CP XNK Nam Trường An	1.328.503.900	-
- Các nhà cung cấp khác	912.655.799	670.611.850
<b>Cộng</b>	<b>33,708,855,409</b>	<b>32.439.774.126</b>

(\*) Là khoản trả trước cho Công ty Cổ phần Otran Miền Nam để mua than đá phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh theo Hợp đồng mua bán hàng hóa số OTMN215255 ngày 28 tháng 06 năm 2015.

**Trả trước cho người bán ngắn hạn là các bên liên quan**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Công ty Cổ phần Otran Miền Nam	28.000.000.000	28.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>28,000,000,000</b>	<b>28.000.000.000</b>

**5. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Công ty Cổ phần Otran Miền Nam (*)	32.657.236.894	-	10.025.578.494	-
<b>Cộng</b>	<b>32.657.236.894</b>	<b>-</b>	<b>10.025.578.494</b>	<b>-</b>

(\*) Khoản cho vay Công ty Cổ phần Otran Miền Nam theo Hợp đồng vay vốn số 01/2015/HĐ/OTL-OTMN ngày 01/12/2015 mục đích vay bổ sung vốn lưu động, lãi suất hỗ trợ không tính lãi trong thời gian 03 tháng đầu từ khi nhận nợ, lãi suất vay sau thời gian hỗ trợ là 7,5%/năm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN OTRAN LOGISTICS**

Địa chỉ: Đường số 4, Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ I - 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

**6. Phải thu khác*****Phải thu khác ngắn hạn***

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Tạm ứng</i>	410.746.141	-	890.262.693	-
- Trần Đức Tuấn	-	-	601.491.552	-
- Các nhân viên khác	410.746.141	-	288.771.141	-
<i>Các khoản ký quỹ, ký cược</i>	6.000.000	-	6.000.000	-
<i>Phải thu khác</i>	92.106.083.852	-	106.153.498.588	-
- Công ty Cổ phần Otran Việt Nam	48.283.579.267	-	48.413.579.267	-
<i>Chuyển nhượng cổ phần (*)</i>	48.000.000.000	-	48.000.000.000	-
<i>Thu chi hộ</i>	283.579.267	-	413.579.267	-
- Công ty Cổ phần Năng lượng Otran	31.716.004.787	-	45.865.612.503	-
<i>Góp vốn hợp tác kinh doanh theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/HĐ/OTL-OTE ngày 02/10/2015</i>	30.000.000.000	-	30.000.000.000	-
<i>Góp vốn</i>	-	-	14.500.000.000	-
<i>Thu chi hộ</i>	1.716.004.787	-	1.365.612.503	-
- Công ty Cổ phần Otran Miền Nam	5.351.439	-	-	-
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Muối Miền Nam (***)	10.000.000.000	-	10.000.000.000	-
- Phải thu lãi tiền cho vay ông Trần Đức Tuấn	-	-	1.295.785.602	-
- Thu chi hộ Công ty Cổ phần Otran Đồng Nai	1.396.750.613	-	216.750.613	-
- Các khoản phải thu ngắn hạn khác	699.046.307	-	361.770.603	-
<b>Cộng</b>	<b>92.517.478.554</b>	<b>-</b>	<b>107.049.761.281</b>	<b>-</b>

(\*) Là khoản phải thu Công ty Cổ phần Otran Việt Nam về việc chuyển nhượng 1.200.000 cổ phần với giá trị 48.000.000.000 đồng của Công ty Cổ phần Cảng Tổng hợp Thị Vải theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 01/2015/HĐCN ngày 25 tháng 08 năm 2015. Đến ngày phát hành báo này, các bên vẫn chưa hoàn tất thủ tục chuyển nhượng.

(\*\*) Là khoản phải thu Công ty Cổ phần Tập đoàn Muối Miền Nam về việc chuyển nhượng 600.000 cổ phần với giá trị 10.000.000.000 đồng của Công ty Cổ phần Cảng Tổng hợp Thị Vải theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 01/2015/HĐCN ngày 01 tháng 12 năm 2015. Đến ngày phát hành báo cáo này, các bên vẫn chưa hoàn tất thủ tục chuyển nhượng.

***Phải thu khác của các bên liên quan***

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Tạm ứng</i>	-	-	890.262.693	-
Trần Đức Tuấn	-	-	601.491.552	-
<i>Phải thu khác</i>	92.106.083.852	-	106.153.498.588	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN OTRAN LOGISTICS**

Địa chỉ: Đường số 4, Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ I - 2016****Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**

Công ty Cổ phần Otran Việt Nam	48.283.579.267	-	48.413.579.267	-
<i>Chuyển nhượng cổ phần (*)</i>	48.000.000.000	-	48.000.000.000	-
<i>Thu chi hệ</i>	283.579.267	-	413.579.267	-
Công ty Cổ phần Năng lượng Otran	31.716.004.787	-	45.865.612.503	-
<i>Góp vốn hợp tác kinh doanh theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/HĐ/OTL-OTE ngày 02/10/2015</i>	30.000.000.000	-	30.000.000.000	-
<i>Góp vốn</i>	-	-	14.500.000.000	-
<i>Thu chi hệ</i>	1.716.004.787	-	1.365.612.503	-
Công ty Cổ phần Otran Miền Nam	5.351.439	-	-	-
Phải thu lãi tiền cho vay ông Trần Đức Tuấn	-	-	1.295.785.602	-
Thu chi hệ Công ty Cổ phần Otran Đồng Nai	1.396.750.613		216.750.613	
<b>Cộng</b>	<b>81.401.686.106</b>	<b>-</b>	<b>96.393.219.537</b>	<b>-</b>

**7. Hàng tồn kho**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	120.821.148	-	129.637.629	-
Công cụ, dụng cụ	69.787.500	-	13.976.923	-
Hàng hóa	32.144.462.000	-	32.144.462.000	-
<b>Cộng</b>	<b>32.335.070.648</b>	<b>-</b>	<b>32.288.076.552</b>	<b>-</b>

**8. Chi phí trả trước****a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

Là chi phí công cụ, dụng cụ

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu kỳ	355.875.549	176.321.285
Tăng trong kỳ	404.439.091	649.880.395
Kết chuyển chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ	(355.610.415)	(194.333.231)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>404.704.225</b>	<b>631.868.449</b>

**b. Chi phí trả trước dài hạn**

Là chi phí công cụ, dụng cụ

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu kỳ	714.008.030	-
Tăng trong kỳ		-
Kết chuyển chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ	(109.388.637)	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>604.619.393</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN OTRAN LOGISTICS**

Địa chỉ: Đường số 4, Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ I - 2016**

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

**9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc (*)	Máy móc và thiết bị (*)	Phương tiện vận tải, truyền dẫn (**)	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Số đầu năm	182.639.719.300	12.916.016.973	9.138.904.164	492.228.861	1.313.359.348	206.500.228.646
Tăng trong kỳ		2.300.000.000	2.454.545.454	-	-	4.754.545.454
Mua sắm mới				-	-	-
XDCB hoàn thành				-	-	-
Giảm trong kỳ		(1.281.030.301)	-	-	-	(1.281.030.301)
Giảm theo TT45/2013/TT-BTC				-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>182.639.719.300</b>	<b>13.934.986.672</b>	<b>11.593.449.618</b>	<b>492.228.861</b>	<b>1.313.359.348</b>	<b>209.973.743.799</b>
<i>Trong đó:</i>						
<i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>						
<b>Giá trị hao mòn</b>						
Số đầu năm	15.880.871.283	2.424.965.544	1.238.337.004	338.963.296	337.370.211	20.220.507.338
Tăng trong kỳ	2.182.696.302	343.369.987	267.509.192	49.884.600	45.818.913	2.889.278.994
Khấu hao trong kỳ						
Giảm trong kỳ		(288.231.831)				
Giảm theo TT45/2013/TT-BTC						
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>18.063.567.585</b>	<b>2.480.103.700</b>	<b>1.505.846.196</b>	<b>388.847.896</b>	<b>383.189.124</b>	<b>22.821.554.501</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số đầu năm	166.758.848.017	10.591.051.429	7.900.567.160	153.265.565	875.989.137	186.279.721.308
Số cuối kỳ	164.576.151.715	11.554.882.972	10.087.603.422	103.380.965	830.170.224	187.152.189.298

(\*) Một số nhà cửa vật kiến trúc, máy móc và thiết bị được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt nam – Chi nhánh 4, xem tại thuyết minh V.17a.

(\*\*) Một số phương tiện vận tải được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Phú Mỹ, xem tại thuyết minh V.17b.

**10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Là phần mềm máy vi tính.

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	48.268.888	37.619.828	10.649.060
Tăng trong kỳ	-	4.022.406	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>48.268.888</b>	<b>41.642.234</b>	<b>6.626.654</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN OTRAN LOGISTICS**

Địa chỉ: Đường số 4, Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ I - 2016****Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)****11. Đầu tư vào công ty con**

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty Cổ phần Otran Đồng Nai (*)	143.160.000.000	-	-	143.160.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Otran Miền Bắc (**)	13.500.000.000	-	-	13.500.000.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>156.660.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>156.660.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

(\*) Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Otran Đồng Nai theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 3600908141 ngày 20 tháng 12 năm 2006, thay đổi lần thứ 12 ngày 20 tháng 07 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp với số lượng 2.910.000 cổ phiếu.

**Công ty Cổ phần Otran Đồng Nai**

Công ty Cổ phần Otran Đồng Nai được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 3600908141 ngày 20 tháng 12 năm 2006, thay đổi lần thứ 12 ngày 20 tháng 07 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Dốc 47, xã Tam Phước, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Mã số thuế: 3 6 0 0 9 0 8 1 4 1

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất giày dép: Sản xuất, gia công giày dép;
- Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu: Dệt lưới (không có công đoạn tẩy nhuộm);
- Đại lý, môi giới, đấu giá: Đại lý ký gửi hàng hóa;
- Dịch vụ đóng gói: Đóng gói nông sản;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: Kinh doanh bất động sản;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ động vật hoang dã và thực hiện theo Quyết định số 80/2002/QĐ-TTg ngày 24/06/2002 của Thủ tướng Chính phủ);
- Bán buôn thực phẩm: Bán buôn rau quả, cà phê, chè, đường, sữa và các sản phẩm từ sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, tinh bột;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp: Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp, máy móc thiết bị và phụ tùng máy dệt may, da giày;
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép: Bán buôn da giày các loại;
- Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch: Chế biến nông sản.

(\*\*) Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Otran Logistics Miền Bắc theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 5701760167 ngày 01 tháng 06 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp với số lượng 1.350.000 cổ phiếu.

**Công ty Cổ phần Otran Logistics Miền Bắc**

Công ty Cổ phần Otran Logistics Miền Bắc được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 5701760167 ngày 01 tháng 06 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp.

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Cái Lân, phường Bãi Cháy, Tp. Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

Mã số thuế: 5 7 0 1 7 6 0 1 6 7

## CÔNG TY CỔ PHẦN OTRAN LOGISTICS

Địa chỉ: Đường số 4, Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ I - 2016**

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**

Hoạt động chính của Công ty là:

- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Chi tiết: Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Kinh doanh dịch vụ cảng và bến cảng;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Đầu tư tạo lập nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua; Mua nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê cho thuê mua; Thuê nhà, công trình xây dựng để cho thuê lại; Đầu tư cải tạo đất và đầu tư các công trình hạ tầng trên đất thuê để cho thuê đất đã có hạ tầng; Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, đầu tư công trình hạ tầng; Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, đầu tư công trình hạ tầng để chuyển nhượng, cho thuê; thuê quyền sử dụng đất đã có hạ tầng để cho thuê lại; Cho thuê nhà ở; Cho thuê kho bãi, đỗ xe; Cho thuê nhà phục vụ mục đích kinh doanh doanh (ki ốt, trung tâm thương mại); Cho thuê nhà có trang bị đặc biệt (phòng hòa nhạc, nhà hát, hội trường, phòng cưới,...); Kinh doanh dịch vụ chợ và quản lý trung tâm thương mại;
- Xây xát và sản xuất bột thô;
- Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột;
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;
- Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật;
- Bán buôn thực phẩm;
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa; Môi giới thương mại;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Chi tiết: Mua bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng xây dựng, công nghiệp; máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện; Mua bán vật tư, máy móc, thiết bị và phụ tùng ngành dầu khí, ngành hàng hải;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Dịch vụ giao nhận hàng hóa; Dịch vụ kiểm đếm, cân, đo, lấy mẫu hàng hóa; Đại lý khai thuế hải quan. Đại lý vận tải hàng hóa đường biển. Dịch vụ bao gói hàng hóa; Dịch vụ đại lý tàu biển; Dịch vụ cung ứng tàu biển;
- Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch;
- Chế biến và bảo quản rau quả.

### 12. Đầu tư vào công ty khác

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty Cổ phần Năng lượng Otran	33.500.000.000		33.500.000.000	19.000.000.000		19.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>33.500.000.000</b>		<b>33.500.000.000</b>	<b>19.000.000.000</b>		<b>19.000.000.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN OTRAN LOGISTICS**

Địa chỉ: Đường số 4, Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ I - 2016****Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)****13. Phải trả người bán***Phải trả người bán ngắn hạn*

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>
- Công ty TNHH Cảng Quốc tế SP-PSA	4.486.801.039	4.486.801.039	4.551.251.788	4.551.251.788
- Công ty Cổ phần Cảng Tổng hợp Thị Vải	3.339.217.398	3.339.217.398	1.810.380.141	1.810.380.141
- Công ty TNHH Thương mại và Kho vận Phú Thái	1.635.864.900	1.635.864.900	1.635.864.900	1.635.864.900
- Công ty TNHH Cảng Quốc tế Sài Gòn Việt Nam	1.270.829.202	1.270.829.202	1.570.829.202	1.570.829.202
- Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân cảng Sài Gòn	983.875.946	983.875.946	983.875.946	983.875.946
- Doanh nghiệp Tư nhân Giang Huy	659.580.275	659.580.275	743.813.126	743.813.126
- Doanh nghiệp Tư nhân Phú Linh Trí	224.976.239	224.976.239	510.561.112	510.561.112
- Công ty CP Vicoal	3.694.402.800	3.694.402.800	-	-
Công ty CP DV Cảng Đồng Nai	267.500.000	267.500.000	-	-
Công ty TNHH Thái Ninh Phú	649.796.396	649.796.396	-	-
Công ty TNHH THORESEN –VINAMA LOGISTICS	1.139.313.560	1.139.313.560	-	-
Công ty TNHH THORESEN - VINAMA	922.539.312	922.539.312	-	-
Công ty TNHH Vận chuyển Sỹ Nguyên	571.617.104	571.617.104	-	-
Công ty TNHH Xăng dầu Thịnh Long	657.573.000	657.573.000	-	-
- Các nhà cung cấp khác	4.659.004.487	4.659.004.487	3.429.021.903	3.429.021.903
<b>Cộng</b>	<b>25.162.891.658</b>	<b>25.162.891.658</b>	<b>15.235.598.118</b>	<b>15.235.598.118</b>

*Phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan*

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>
Công ty Cổ phần Cảng Tổng hợp Thị Vải	3.339.217.398	3.339.217.398	1.810.380.141	1.810.380.141
Công ty TNHH Đầu tư VNC	144.462.000	144.462.000	144.462.000	144.462.000
Công ty Cổ phần Otran -Hưng Yên	65.000.000	65.000.000	65.000.000	65.000.000
<b>Cộng</b>	<b>3.548.679.398</b>	<b>3.548.679.398</b>	<b>2.019.842.141</b>	<b>2.019.842.141</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN OTRAN LOGISTICS**

Địa chỉ: Đường số 4, Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ I - 2016****Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)****14. Người mua trả tiền trước****Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Otran Việt Nam	2.772.274.637	2.772.274.637
Bùi Văn Triệu - Công ty Việt Á	8.692.000	150.645.000
Công ty TNHH ĐTSX Năng Lượng TNC Sài Gòn	200.000.000	-
Các khách hàng khác	364.035.366	172.609.001
<b>Cộng</b>	<b><u>3.145.002.003</u></b>	<b><u>3.095.528.638</u></b>

**Người mua trả tiền trước ngắn hạn có liên quan**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Otran Việt Nam	2.772.274.637	2.772.274.637
<b>Cộng</b>	<b><u>2.772.274.637</u></b>	<b><u>2.772.274.637</u></b>

**15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế giá trị gia tăng	85.219.830	615.446.360	(482.348.020)	218.318.170
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	8.441.646.608	(8.441.646.608)	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	47.122.510	41.550.000	-	88.672.510
Các loại thuế khác	-	3.000.000	(3.000.000)	-
<b>Cộng</b>	<b><u>8.573.988.948</u></b>	<b><u>(7.781.650.248)</u></b>	<b><u>(485.348.020)</u></b>	<b><u>306.990.680</u></b>

(\*) Theo quyết toán thuế TNDN năm 2015, Công ty đang áp dụng chính sách ưu đãi thuế TNDN theo quy định tại Điểm 3 Điều 16 Nghị định 218/2013/NĐ-CP của Chính Phủ theo điều kiện doanh nghiệp có dự án đầu tư thuộc địa bàn kinh tế - xã hội khó khăn. Theo đó Công ty được miễn thuế TNDN 02 năm kể từ năm 2014, giảm 50% thuế TNDN phải nộp trong vòng 4 năm tiếp theo kể từ năm 2016. Ưu đãi thuế suất: thuế suất ưu đãi áp dụng 20%, bắt đầu từ 01/01/2016 áp dụng thuế suất 17%.

**16. Phải trả khác****Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>
Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác	343.360.047	343.360.047	256.806.129	256.806.129
Lãi chậm nộp thuế TNDN, GTGT	39.728.215	39.728.215	244.657.129	244.657.129
BHXH, BHYT, BHTN	162.175.222	162.175.222		
Các khoản phải trả khác	141.456.610	141.456.610	12.149.000	12.149.000
<b>Cộng</b>	<b><u>343.360.047</u></b>	<b><u>343.360.047</u></b>	<b><u>256.806.129</u></b>	<b><u>256.806.129</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN OTRAN LOGISTICS**

Địa chỉ: Đường số 4, Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ I - 2016****Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)****Vay và nợ thuê tài chính****a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 4	29.874.086.947	29.874.086.947	29.967.338.211	29.967.338.211
<b>Cộng</b>	<b>29.874.086.947</b>	<b>29.874.086.947</b>	<b>29.967.338.211</b>	<b>29.967.338.211</b>

Là khoản vay của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 4 theo Hợp đồng vay số 01/2015-HĐTDHM/NHCT908-OTRANLOGISTICS ký ngày 02 tháng 02 năm 2015 đính kèm Phụ lục số 01/2016-HĐTD-SĐBS/NHCT908-OTRANLOGISTICS ngày 04/02/2016 và Phụ lục số 02/2016-HĐTD-SĐBS/NHCT908-OTRANLOGISTICS ngày 18/03/2016. Hạn mức vay là **30.000.000.000 đồng**. Thời hạn vay từ ngày 02/01/2016 đến ngày 14/04/2016. Mục đích vay: Để bổ sung vốn lưu động phục vụ kinh doanh dịch vụ logistics (dịch vụ cảng, bến cảng, vận tải, kho bãi và lưu giữ hàng hóa). Lãi suất cho vay là lãi suất được ghi trên từng Giấy nhận nợ.

Được đảm bảo bằng:

- Hợp đồng thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng chuyển nhượng tài sản, chi phí đầu tư số 06/HĐKT/VRC/2013 số 14.048.001/HĐTC-OTRAN LOGISTICS ngày 27/11/2014;
- Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số: 14.048.002/HĐTC-OTRAN LOGISTIC ngày 27/11/2014;
- Hợp đồng thế chấp động sản số 14.048.003/HĐTC-OTRAN LOGISTICS ngày 27/11/2014;
- Hợp đồng thế chấp tài sản số 14.048.004/HĐTC-OTRAN LOGISTICS ngày 27/11/2014;
- Hợp đồng thế chấp quyền tài sản số 15.048.005/HĐTC-OTRAN LOGISTICS ngày 02/02/2015.

**Tình hình biến động các khoản vay ngắn hạn như sau:**

	Phát sinh
Số đầu năm	29.967.338.211
Tiền vay đã nhận trong kỳ	35.912.151.704
Tiền vay đã trả trong kỳ	(36.005.402.968)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>29.874.086.947</b>

**b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Mỹ (*)	3.393.360.000	3.393.360.000	3.817.520.000	3.817.520.000
Ngân hàng VPB CN Vũng Tàu (**)	1.361.100.000	1.361.100.000	-	-
Ngân hàng Eximbank CN TP Hồ Chí Minh (***)	1.880.000.000	1.880.000.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>6.634.460.000</b>	<b>6.634.460.000</b>	<b>3.817.520.000</b>	<b>3.817.520.000</b>

(\*) Là khoản vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Mỹ theo Hợp đồng vay số 01/2015/6891002/HĐTD ký ngày 12/02/2015. Hạn mức 5.090.000.000 đồng. Mục đích vay để mua xe tải tự đổ. Thời hạn vay là 36 tháng kể từ ngày Hợp đồng này có hiệu lực. Lãi suất vay

**CÔNG TY CỔ PHẦN OTRAN LOGISTICS**

Địa chỉ: Đường số 4, Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ I - 2016****Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**

10%/năm (được áp dụng tới ngày 12/08/2015) sau đó được điều chỉnh 6 tháng /lần theo thông báo lãi suất của BIDV tại thời điểm điều chỉnh. Khoản vay được đảm bảo bằng thế chấp xe tải tự do theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 004813, 004812, 004814, 004815, 004816 do CA tỉnh BRVT cấp ngày 11/02/2015, biển số số 72C-05544, 72C 05694, 72C-05443, 72C-05510, 72C-05613.

(\*\*) Là khoản vay của Ngân hàng VPBANK - Chi nhánh Vũng Tàu theo Hợp đồng vay số SME/VTU/16/0005/HDTD ký ngày 07/03/2016. Hạn mức 1.390.000.000 đồng. Mục đích vay để mua 02 xe xúc lật. Thời hạn vay là 48 tháng kể từ ngày Hợp đồng này có hiệu lực. Lãi suất vay 10,5%/năm (được áp dụng tới ngày 08/06/2016) sau đó được điều chỉnh 1 tháng /lần theo thông báo lãi suất của VPBANK tại thời điểm điều chỉnh. Khoản vay được đảm bảo bằng thế chấp xe xúc biển số 72LA-1243, 72LA-1244.

(\*\*\*) Là khoản vay của Ngân hàng EXIMBANK - Chi nhánh Hồ Chí Minh theo Hợp đồng vay số 2000-LDS-201603784 ký ngày 29/03/2016. Hạn mức 1.880.000.000 đồng. Mục đích vay để mua 02 xe tải tự do Shechman. Thời hạn vay là 48 tháng kể từ ngày Hợp đồng này có hiệu lực. Lãi suất vay 8,5%/năm (được áp dụng tới ngày 29/03/2017) sau đó được điều chỉnh theo thông báo lãi suất của EXIMBANK tại thời điểm điều chỉnh. Khoản vay được đảm bảo bằng thế chấp xe tải tự do biển số 72C-078.86 và 72C-071.62

*Tình hình biến động các khoản vay dài hạn như sau:*

***Ngân hàng BIDV Phú Mỹ***

	<u>Phát sinh</u>
Số đầu năm	3.817.520.000
Tiền vay đã nhận trong kỳ	-
Tiền vay đã trả trong kỳ	(424.160.000)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>3.393.360.000</u></b>

***Ngân hàng VPB CN Vũng Tàu***

	<u>Phát sinh</u>
Số đầu năm	-
Tiền vay đã nhận trong kỳ	1.390.000.000
Tiền vay đã trả trong kỳ	(28.900.000)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>1.361.100.000</u></b>

***Ngân hàng Eximbank CN Sài Gòn***

	<u>Phát sinh</u>
Số đầu năm	-
Tiền vay đã nhận trong kỳ	1.880.000.000
Tiền vay đã trả trong kỳ	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>1.880.000.000</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN OTRAN LOGISTICS**

Địa chỉ: Đường số 4, Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ I - 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

**17. Vốn chủ sở hữu****Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	200.000.000.000	15.206.069.113	215.206.069.113
Tăng vốn tron năm trước	300.000.000.000	-	300.000.000.000
Lợi nhuận trong năm trước	-	27.515.590.726	27.515.590.726
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>500.000.000.000</b>	<b>42.721.659.839</b>	<b>542.721.659.839</b>
Số dư đầu năm nay	500.000.000.000	42.721.659.839	542.721.659.839
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-
Lợi nhuận trong kỳ này	-	22.602.112.112	22.602.112.112
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>500.000.000.000</b>	<b>65.323.772.551</b>	<b>565.323.772.551</b>

**Cổ phiếu**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	50.000.000	50.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	50.000.000	50.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Đơn vị tính: VND

**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Kỳ này	kỳ trước
Doanh thu bán hàng hóa	-	-
Doanh thu dịch vụ khai thác cảng, kho	43.902.439.874	25.056.517.311
Doanh thu dịch vụ kho bãi (lưu kho, thuê kho và dịch vụ khác)	18.469.406.207	9.552.839.304
Doanh thu dịch vụ vận chuyển	4.742.938.139	3.622.833.956
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	45.000.000	4.694.208.299
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>67.159.784.220</b>	<b>38.232.190.571</b>

**Doanh thu với các bên liên quan**

	Kỳ này	Kỳ trước
Công ty Cổ phần Otran Đồng Nai	40.000.000	388.806.191
Công ty Cổ Phần Otran Việt Nam	-	1.210.776.034
Công ty Cổ Phần Otran Miền Nam	9.033.503.863	23.948.769.245
Công ty Cổ phần Năng Lượng Otran	32.620.920.824	-
<b>Cộng</b>	<b>41.694.424.687</b>	<b>25.548.351.470</b>

**2. Giá vốn hàng bán**

	Kỳ này	Kỳ trước
Giá vốn cung cấp hàng hóa	-	-
Giá vốn cung cấp dịch vụ khai thác cảng, kho	37.661.519.112	13.883.205.015
Giá vốn dịch vụ kho bãi (lưu kho, thuê kho)	2.502.632.526	3.817.698.250

**CÔNG TY CỔ PHẦN OTRAN LOGISTICS**

Địa chỉ: Đường số 4, Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ I - 2016****Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**

	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
Giá vốn dịch vụ vận chuyển	2.560.587.812	2.149.690.391
Giá vốn dịch vụ khác	6.550.000	3.736.201.658
<b>Cộng</b>	<b>42.731.289.450</b>	<b>23.586.795.314</b>
<b>3. Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
Lãi tiền cho vay	-	-
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	-	-
Lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.225.258	3.141.887
<b>Cộng</b>	<b>1.225.258</b>	<b>3.141.887</b>
<b>4. Chi phí tài chính</b>		
	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
Chi phí lãi vay	659.774.925	197.999.659
Chi phí khác	65.050	-
<b>Cộng</b>	<b>659.839.975</b>	<b>197.999.659</b>
<b>5. Chi phí bán hàng</b>		
	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
Chi phí cho nhân viên	-	-
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	84.679.105	652.742.044
Chi phí khấu hao tài sản cố định	584.630.270	509.062.090
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	122.913.364
Chi phí bán hàng bằng tiền khác	1.086.258.672	655.364.614
<b>Cộng</b>	<b>1.755.568.047</b>	<b>1.940.082.112</b>
<b>6. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
Chi phí nhân viên quản lý	3.281.588.733	2.466.994.908
Chi phí đồ dùng văn phòng	216.901.083	120.134.521
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.276.882.401	1.888.547.340
Chi phí thuế, phí, lệ phí	33.950.958	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	307.255.010	182.212.286
Chi phí bằng tiền khác	1.083.936.324	1.845.751.330
<b>Cộng</b>	<b>7.339.812.488</b>	<b>6.503.640.385</b>
<b>7. Thu nhập khác</b>		
	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
Thu nhập được thưởng, bồi thường tàu	23.842.170	708.089.237
Thu tiền bán hàng phế liệu	-	667.933.000
Thu tiền thanh lý, nhượng bán TSCĐ	436.363.636	-
Thu nhập khác	398.229.850	577.998.285
Thuế TNDN phải nộp được miễn giảm theo quyết toán thuế.	8.441.646.608	-
<b>Cộng</b>	<b>9.300.082.264</b>	<b>1.954.020.522</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN OTRAN LOGISTICS**

Địa chỉ: Đường số 4, Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ I - 2016****Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)****8. Chi phí khác**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Chi phí phạt, bồi thường tàu	86.963.300	1.342.481.625
Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ	992.798.470	-
Chi phí khác	292.707.300	-
<b>Cộng</b>	<b><u>1.372.469.070</u></b>	<b><u>1.342.481.625</u></b>

**9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	22.602.112.712	6.731.353.936
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	22.602.112.712	6.731.353.936
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (*)	50.000.000	20.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b><u>452,04</u></b>	<b><u>336,57</u></b>

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính cần trình bày trên Báo cáo tài chính riêng.

**2. Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam.

**3. Giao dịch với các bên liên quan*****Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan***

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng giám đốc, kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

**4. Thông tin hoạt động liên tục**

Báo cáo tài chính này lập trên cơ sở hoạt động liên tục.

**5. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính**

	<b>Giá trị kế toán</b>		<b>Giá trị hợp lý</b>	
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.794.432.889	21.599.918.567	5.794.432.889	21.599.918.567
Phải thu khách hàng	41.380.625.181	31.658.653.843	41.380.625.181	31.658.653.843
Phải thu về cho vay ngắn/ dài hạn	32.657.236.894	10.025.578.494	32.657.236.894	10.025.578.494
Các khoản phải thu khác	92.517.478.554	107.049.761.281	107.075.339.775	2.980.338.173

Đơn vị tính: VND

**CÔNG TY CỔ PHẦN OTRAN LOGISTICS**

Địa chỉ: Đường số 4, Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ I - 2016**

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Cộng	<u>172.349.773.518</u>	<u>170.333.912.185</u>	<u>172.349.773.518</u>	<u>170.333.912.185</u>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Phải trả cho người bán	25.162.891.658	15.235.598.118	25.162.891.658	15.235.598.118
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	306.990.680	8.573.988.948	306.990.680	8.573.988.948
Phải trả người lao động	406.202.618	413.576.927	406.202.618	413.576.927
Phải trả khác	343.360.047	256.806.129	343.360.047	256.806.129
Vay và nợ thuê tài chính ngắn/dài hạn	36.508.546.947	33.784.858.211	36.508.546.947	33.784.858.211
<b>Cộng</b>	<b><u>62.727.991.958</u></b>	<b><u>58.264.828.333</u></b>	<b><u>62.727.991.958</u></b>	<b><u>58.264.828.333</u></b>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác trong đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu được đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, rủi ro, khả năng trả nợ và tính chất rủi ro liên quan đến khoản nợ. Trên cơ sở đánh giá này Công ty ước tính dự phòng cho phần có khả năng không thu hồi được.

**6. Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

**Phải thu khách hàng**

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

**Tiền gửi ngân hàng**

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Đã quá hạn và bị giảm giá	Cộng
Số cuối kỳ			
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.794.432.889	-	5.794.432.889
Phải thu khách hàng	41.380.625.181	-	41.380.625.181
Phải thu về cho vay ngắn/ dài hạn	-	-	-
Các khoản phải thu khác	92.517.478.554	-	92.517.478.554
<b>Cộng</b>	<b><u>139.692.536.624</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>139.692.536.624</u></b>

Đơn vị tính: VND

**CÔNG TY CỔ PHẦN OTRAN LOGISTICS**

Địa chỉ: Đường số 4, Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ I - 2016****Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)****Số đầu năm**

Tiền và các khoản tương đương tiền	21.599.918.567	-	21.599.918.567
Phải thu khách hàng	31.658.653.843	-	31.658.653.843
Phải thu về cho vay ngắn/ dài hạn	-	-	-
Các khoản phải thu khác	107.075.339.775	-	107.075.339.775
<b>Cộng</b>	<b>160.333.912.185</b>	<b>-</b>	<b>160.333.912.185</b>

**7. Rủi ro thanh toán**

Rủi ro thanh toán là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh toán. Rủi ro thanh toán của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh toán thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Đơn vị tính: VND		
	<u>Từ 01 năm trở xuống</u>	<u>Trên 01 năm đến 05 năm</u>	<u>Cộng</u>
<b>Số cuối năm</b>			
Phải trả cho người bán	25.162.891.658	-	25.162.891.658
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	306.990.680	-	306.990.680
Phải trả người lao động	406.202.618	-	406.202.618
Phải trả khác	343.360.047	-	343.360.047
Vay và nợ thuê tài chính ngắn/dài hạn	29.874.086.947	6.634.460.000	36.508.546.947
<b>Cộng</b>	<b>56.093.531.950</b>	<b>6.634.460.000</b>	<b>62.727.991.950</b>
<b>Số đầu năm</b>			
Phải trả cho người bán	15.235.598.118	-	15.235.598.118
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	8.573.988.948	-	8.573.988.948
Phải trả người lao động	413.576.927	-	413.576.927
Phải trả ngắn hạn khác	256.806.129	-	256.806.129
Vay và nợ thuê tài chính ngắn/dài hạn	29.967.338.211	3.817.520.000	33.784.858.211
<b>Cộng</b>	<b>54.447.308.333</b>	<b>3.817.520.000</b>	<b>58.264.828.333</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**8. Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

## CÔNG TY CỔ PHẦN OTRAN LOGISTICS

Địa chỉ: Đường số 4, Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ I - 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

### **Rủi ro ngoại tệ**

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty có phát sinh giao dịch mua dịch vụ bằng USD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với tỷ giá hối đoái vì rủi ro do thay đổi tỷ giá hối đoái tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

### **Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

## **9. Thông tin về bộ phận**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính riêng nội bộ của Công ty.

Kết quả kinh doanh bao gồm các khoản có liên quan trực tiếp đến bộ phận và các khoản có thể phân bổ được trên một cơ sở hợp lý. Các khoản không phân bổ được bao gồm các tài khoản tạo thu nhập và doanh thu, các khoản vay chịu lãi, và chi phí chung của Công ty.

Thông tin về lĩnh vực kinh doanh trong năm của Công ty như sau:

	<b>Doanh thu bán hàng hóa</b>	<b>Dịch vụ khai thác cảng, kho</b>	<b>Dịch vụ kho bãi (lưu kho, thuê kho và dịch vụ khác</b>	<b>Dịch vụ vận chuyển</b>	<b>Dịch vụ khác</b>	<b>Cộng</b>
Doanh thu thuần từ bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ theo bộ phận	-	43.902.439.874	18.469.406.207	4.742.938.139	45.000.000	67.159.784.220
Giá vốn hàng bán theo bộ phận	-	(37.661.519.112)	(2.502.632.526)	(2.560.587.812)	(6.550.000)	(42.731.289.450)
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ theo bộ phận</b>	-	<b>6.240.920.762</b>	<b>15.966.773.681</b>	<b>2.182.350.327</b>	<b>38.450.000</b>	<b>24.428.494.770</b>
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận						(9.095.380.535)
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>						<b>15.333.114.235</b>
Doanh thu tài chính						1.225.258



**CÔNG TY CỔ PHẦN OTRAN LOGISTICS**




Địa chỉ: Đường số 4, Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ I - 2016**

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

	<b>Doanh thu bán hàng hóa</b>	<b>Dịch vụ khai thác cảng, kho</b>	<b>Dịch vụ kho bãi (lưu kho, thuê kho và dịch vụ khác</b>	<b>Dịch vụ vận chuyển</b>	<b>Dịch vụ khác</b>	<b>Cộng</b>
Chi phí tài chính						(659.839.975)
Thu nhập khác						9.300.082.264
Chi phí khác						(1.372.469.070)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành						-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>						<b>22.602.112.712</b>

Bà Rịa – Vũng Tàu, ngày 20 tháng 04 năm 2016

  
\_\_\_\_\_  
**Mai Đình Hanh**  
Người lập biểu  
\_\_\_\_\_  
**Mai Đình Hanh**  
Kế toán trưởng  
\_\_\_\_\_  
**Trần Đức Tuân**  
Tổng giám đốc